

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS- ST  
Ngày 08/9/2022  
*V/v tranh chấp  
hợp đồng gia công.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Võ  
2. Ông Vũ Quý Đông.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông  
Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST- DS ngày 10/5/2022 về việc “Tranh  
chấp hợp đồng gia công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-  
ST ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST- DS, ngày  
30/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Xuân T- sinh năm 1974

Trú tại: Khu V, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kim D- sinh năm 1978

Trú tại: Khu C, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là anh  
Đặng Xuân T trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim D quen biết nhau do là người cùng  
xã. Vào tháng 3/2021 chị D đến nhà anh đặt làm 04 chuồng cửa, gồm 03 chuồng cửa  
ngách có cả khuôn cửa và cánh cửa, 01 chuồng cửa chính chỉ có cửa, không có  
khuôn (do chị D có sẵn khuôn cửa chính). Hai bên không làm hợp đồng bằng văn  
bản mà chỉ thỏa thuận miệng là các cửa ngách làm bằng gỗ xoan, mỗi chuồng giá là  
5.000.000 đồng; cửa lớn làm bằng gỗ lim, giá là 2.500.000 đồng/m<sup>2</sup>. Hôm đó chị D  
nhờ anh Đặng Thiệu N cũng là người cùng xã đi cùng. Đến tháng 4/2021 anh làm

xong và đem cửa đến lắp cho chị D, chị D không có ý kiến gì. Khoảng 2- 3 ngày sau chị D điện thoại cho anh bảo đến tháo dỡ cửa về, nói là gỗ xoan non, thối. Anh đồng ý tháo dỡ. Một ngày sau, hai bên trao đổi qua điện thoại, thống nhất đổi gỗ xoan thành gỗ lim, thống nhất giá khuôn cửa là 500.000 đồng/m dài, cánh cửa là 2.500.000 đồng/m<sup>2</sup>, khi nào hoàn thiện, lắp cửa thì đo mét tính tiền. Cuối tháng 6/2021 anh làm xong và đem cửa đến lắp cho chị D. Chị D có nhờ anh làm thêm các ô thoáng trang trí bằng gỗ phía trên cửa chính và vệ sinh, sơn lại khuôn cửa chính mà chị D có sẵn). Sau khi lắp cửa xong được 02 ngày, chị D nhờ anh N đến nhà chị D, cùng anh đo, tính toán số mét để tính tiền, cụ thể như sau:

03 chuồng khuôn: 34m x 500.000 đồng/m = 17.000.000 đồng.

01 cửa lớn có 04 cánh: 56,169m<sup>2</sup> x 2.5000.000 đồng/m<sup>2</sup>= 14.042.000 đồng.

03 cửa ngách= 53,784m<sup>2</sup> x 2.5000.000 đồng/m<sup>2</sup>= 13.446.000 đồng.

Vệ sinh và sơn lại khuôn cửa chính: 1.200.000 đồng.

04 ô thoáng trang trí phía trên cửa chính= 800.000 đồng.

Tổng cộng là: 46.488.000 đồng.

Trong quá trình làm cửa, chị D đã ứng tiền cho anh 02 lần: 01 lần 10.000.000 đồng, 01 lần 3.000.000 đồng, tổng cộng là 13.000.000 đồng. Như vậy chị D còn phải thanh toán là 33.488.000 đồng. Sau đó anh đòi nhiều lần nhưng chị D xin khất vì chưa có tiền trả. Sau đó chị D lại nói là cửa chính sơn xấu nên không thanh toán. Anh đã nhờ ông Trương Hùng M là trưởng khu C là nơi chị D ở đến nhà chị D để tác động chị D trả tiền cho anh. Ngày hôm đó chị D đã trả cho anh được 21.100.000 đồng. Lúc trả tiền ông M đã về, chỉ có anh Đặng Thiệu N chứng kiến. Số tiền còn lại là 12.388.000 đồng chị D nói giữ lại, sau khi chị thuê người sơn lại bộ cửa chính, hết bao nhiêu trừ đi, còn lại sẽ thanh toán nốt cho anh. Nhưng sau đó chị D không sơn lại cửa mà đem bán cho ai anh không biết, thay bằng cửa nhôm kính, không nói gì với anh. Nay anh yêu cầu chị D phải trả số tiền còn nợ là 12.388.000 đồng.

\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là chị Lê Thị Kim D trình bày: Chị và anh Đặng Xuân T có thỏa thuận miệng về việc chị thuê anh T đóng các bộ cửa gỗ, về số lượng, giá cả, loại gỗ, lúc đầu là xoan sau thay bằng lim đúng như anh T trình bày. Chị có ứng cho anh T 02 lần, tổng cộng là 15.000.000 đồng. Các lần ứng không làm giấy tờ gì, và không có ai chứng kiến. Khi anh T lắp cửa, chị thấy cửa chính bị vênh không đóng được, sơn không đúng màu. Chị yêu cầu anh T đem về sửa lại, nhưng anh T không đồng ý, mà sửa luôn tại chỗ, càng sửa càng hỏng, nên hai bên xảy ra cãi nhau. Anh T đã mời ông M là trưởng khu C, xã H đến. Ông M đã hòa giải, anh T tự nói trước mặt chị và ông M là để lại cho chị 10.000.000 đồng để làm lại cửa chính. Tổng khối lượng cửa anh N và anh T đã đo, tính toán, số liệu đúng như anh T trình bày. Hôm đó chị thanh toán cho anh T 22.200.000 đồng. Trong quá trình làm cửa, anh T có thỏa thuận với chị là 04 ô thoáng bên trên cửa chính anh T làm kỷ niệm cho chị. Như vậy tổng số tiền anh T đóng cửa cho chị là 44.508.000 đồng, chị đã trả được 37.200.000 đồng, còn lại 7.308.000 đồng, nhưng anh T đã nói trừ lại cho chị 10.000.000 đồng để làm lại cửa chính. Sau đó anh T đến

nhà chị 1-2 lần để đòi số tiền còn lại là 7.308.000 đồng, nhưng chị không đồng ý trả vì chị không nợ nần gì của anh T. Đến nay anh T yêu cầu chị phải trả 12.388.000 đồng chị không nhất trí vì chị không nợ anh T, tiền chị thuê anh T đóng cửa và khuôn cửa chị đã thanh toán đủ cho anh T. Do không ưng ý cửa chính mà anh T đóng, nên chị đã thay bằng cửa khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các điều: 542, 544, 545, 546, 547, 552, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

- Xác định số tiền chị Lê Thị Kim D còn nợ anh Đặng Xuân T phát sinh từ Hợp đồng gia công đóng cửa gỗ là 12.388.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đặng Xuân T: Buộc chị Lê Thị Kim D có trách nhiệm thanh toán cho anh T là 10.000.000 đồng.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim D và anh Đặng Xuân T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tranh chấp giữa anh Đặng Xuân T và chị Lê Thị Kim D là tranh chấp Hợp đồng gia công, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1. 2]. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng nhiều lần chị D không có mặt để làm việc. Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị D.

[2]. Về nội D tranh chấp:

[2.1]. Chị D và anh T đều thừa nhận có giao kết hợp đồng miệng về việc đóng cửa gỗ. Sau khi anh T đến lắp cửa, hai bên đã đo, tính toán khối lượng để tính tiền. Về đơn giá, khối lượng mét dài khuôn cửa và mét vuông các cửa ngách, cửa chính, hai bên trình bày thống nhất với nhau. Với khối lượng và đơn giá đó, tính thành tiền tổng cộng là 44.388.000 đồng. Chị D tính thành 44.508.000 đồng là có sự nhầm lẫn, không chính xác.

[2.2]. Về việc đóng các ô thoáng phía trên cửa chính và sơn lại khuôn cửa chính (Khuôn cửa này chị D có từ trước), anh T khai tổng giá tiền là 2.000.000 đồng, còn chị D khai phần công việc này anh T đã thống nhất với chị D là đóng tặng, nhưng đều không có văn bản ghi nhận. Vì vậy, xác định tổng tiền chị D phải thanh toán cho anh T gồm tiền đóng các bộ cửa là 44.488.000 đồng cộng với 2.000.000 đồng đóng các ô thoáng và sơn lại khuôn cửa chính, tổng cộng là 46.488.000 đồng.

[2.3]. Về số tiền tạm ứng và thanh toán: Anh T khai đã nhận tạm ứng của chị D là 13.000.000 đồng, chị D khai đã ứng cho anh T là 15.000.000 đồng. Xét thấy, vào ngày anh T đến nhà chị D đòi tiền, có mời ông Trương Hùng M trưởng khu C đi cùng, ngoài ra còn có mặt anh Đặng Thiệu N, chị D đã trả cho anh T 21.100.000 đồng. Số tiền trả hôm đó theo lời khai anh T, thì khớp với lời khai của anh N (anh N trực tiếp trả tiền cho anh T thay chị D), chứ không phải là 22.200.000 đồng như chị D khai. Đồng thời anh N xác nhận cũng vào ngày hôm đó, anh T và chị D thống nhất để lại 10.000.000 đồng chưa thanh toán, để chị D sơn, sửa lại cửa chính. Việc xác định số tiền còn lại chưa thanh toán đó phù hợp với việc lấy tổng số tiền chị D phải trả cho anh T, trừ đi tiền tạm ứng 13.000.000 đồng, tiền thanh toán 21.100.000 đồng. Chị D khai hai bên thống nhất anh T để lại 10.000.000 đồng không đòi chị trả nữa, nhưng nếu tính số tiền anh T đã tạm ứng cộng với khoản chị thanh toán thêm như chị khai thì số tiền còn lại chỉ còn khoảng 7.000.000 đồng, điều đó là không phù hợp. Anh N cũng xác nhận 10.000.000 đồng để lại này là để chờ chị D sửa lại cửa chính, hết bao nhiêu trừ đi, còn lại phải thanh toán nốt cho anh T, chứ anh T không tuyên bố cho chị D khoản tiền này. Như vậy có căn cứ xác định số tiền chị D chưa thanh toán cho anh T là 12.388.000 đồng (bằng tổng số tiền chị D phải thanh toán cho anh T là 46.488.000 đồng, trừ đi số tiền đã tạm ứng là 13.000.000 đồng và số tiền đã thanh toán là 21.100.000 đồng).

[2.4]. Phía chị D không ưng ý về chất lượng sản phẩm, nhưng lại tự ý bán bộ cửa chính mà anh T đã đóng, không thông báo cho anh T, cũng không đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Tuy nhiên, anh T cũng thừa nhận việc cho chị D giữ lại một khoản tiền chưa thanh toán là để chị D sơn, sửa lại cửa chính, chứng tỏ chất lượng cửa chính không hoàn toàn đảm bảo. Tại phiên tòa, anh T trình bày: Chi phí để sơn, sửa lại cửa chính khoảng 2.000.000 đồng. Vì vậy, trong tổng số tiền 12.388.000 đồng chị D chưa thanh toán, cần buộc chị D thanh toán cho anh T 10.000.000 đồng là hợp T, hợp lý.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của anh Đặng Xuân T được chấp nhận; anh Đặng Xuân T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Mức án phí có giá ngạch là 05% theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều: 542, 544, 545, 546, 547, 552, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về nghĩa vụ trả tiền:

- Xác định: Số tiền chị Lê Thị Kim D còn nợ anh Đặng Xuân T phát sinh từ Hợp đồng gia công đóng cửa gỗ là 12.388.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đặng Xuân T: Buộc chị Lê Thị Kim D có trách nhiệm thanh toán cho anh T là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Lê Thị Kim D phải nộp 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Đặng Xuân T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền anh T phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2020/0004115, ngày 10/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh T đã nộp đủ án phí.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Vũ Thị Minh Hòa**

